

KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đơn vị thực hiện	Số lớp	Số lượng học viên/1 lớp	Thời gian học/lớp (ngày)	Đối tượng	Thời gian thực hiện	Kinh phí
1	2	3	4	5	6	7	8	9
- Kinh phí được cấp: 4.460.000.000 đồng - Kinh phí phân bổ: 3.514.086.500 đồng - Kinh phí dự phòng: 945.913.500 đồng								
Tổng kinh phí: (I)+(II)+(III)+(IV)								3,514,086,500
I	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm Khối Hành chính Nhà nước							1,835,292,500
1	Tin học văn phòng nâng cao	Sở Thông tin và Truyền thông (báo cáo viên tại tỉnh)	9	30	2	Cán bộ, công chức các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý III, IV	119,115,000
2	Chuyên đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông (báo cáo viên ngoài tỉnh)	9	30	2	Cán bộ, công chức các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý II, III	134,460,000
3	An toàn, bảo mật thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông (báo cáo viên ngoài tỉnh)	1	30	5	Công chức chuyên trách Công nghệ thông tin các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý III	34,265,000
4	Bồi dưỡng pháp luật về phòng chống tham nhũng cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện	Sở Tư pháp (Báo cáo viên tại tỉnh)	3	138	1	Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện	Quý III	25,950,000
5	Bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp (Báo cáo viên tại tỉnh)	1	60	1	Công chức phụ trách pháp chế các Sở, ban, ngành; công chức phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố	Quý III	5,690,000
6	Tập huấn triển khai kiến thức pháp luật chuyên môn, nghiệp vụ mới về hộ tịch và hướng dẫn nghiệp vụ cho công chức làm công tác hộ tịch	Sở Tư pháp (Báo cáo viên ngoài tỉnh)	3	80	3	Công chức phụ trách công tác hộ tịch của các huyện, thị xã, thành phố và Công chức Tư pháp - Hộ tịch các xã, phường, thị trấn	Quý II	51,799,000
7	Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực lao động, người có công xã hội	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (báo cáo viên tại tỉnh)	1	150	3	Công chức phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện, thị xã, thành phố; Công chức phụ trách Lao động, Thương binh và Xã hội các xã, phường, thị trấn	Quý III	20,950,000
8	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý Chợ cho các huyện, thị xã, thành phố	Sở Công Thương (báo cáo viên ngoài tỉnh)	1	70	2	Công chức phụ trách quản lý Chợ thuộc phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố; Trưởng ban, Phó Trưởng ban các BQL/TQL chợ.	Quý III	18,700,000
9	Tập huấn nghiệp vụ quản lý nhà nước lĩnh vực xây dựng và quy hoạch kiến trúc	Sở Xây dựng (báo cáo viên ngoài tỉnh)	1	140	2	Công chức địa chính các xã, phường, thị trấn; Công chức phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố	Quý III	32,532,500

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đơn vị thực hiện	Số lớp	Số lượng học viên/ 1 lớp	Thời gian học/ lớp (ngày)	Đối tượng	Thời gian thực hiện	Kinh phí
1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	Bồi dưỡng về lĩnh vực văn hóa cơ sở và công tác gia đình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	160	2	Công chức Văn hóa - Xã hội phụ trách văn hóa cơ sở các xã, phường, thị trấn; Công chức phụ trách văn hóa cơ sở phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thị xã, thành phố	Quý III	36,718,000
11	Tập huấn công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (báo cáo viên nội, ngoại tỉnh)	1	120	2	Công chức Văn hóa - Xã hội lĩnh vực du lịch các xã, phường, thị trấn; Công chức phụ trách lĩnh vực Du lịch phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thị xã, thành phố	Quý III	24,860,000
12	Bồi dưỡng Quản lý NN về Di sản văn hoá	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (báo cáo viên nội, ngoại tỉnh)	1	40	2	Công chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phụ trách lĩnh vực văn hóa, quản lý di sản văn hóa	Quý II	19,800,000
13	Tập huấn số hóa kết quả giải quyết TTHC có hiệu lực của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị trên Phân hệ Kho quản lý dữ liệu kết quả TTHC (huyện, xã)	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Báo cáo viên tại tỉnh)	9	60	1	Công chức các phòng chuyên môn giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; Chuyên viên Công nghệ thông tin của cấp huyện, cấp xã	Quý III	116,535,000
14	Tập huấn số hóa kết quả giải quyết TTHC có hiệu lực của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị trên Phân hệ Kho quản lý dữ liệu kết quả TTHC (các Sở, ban, ngành)	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Báo cáo viên tại tỉnh)	3	50	1	Công chức các phòng chuyên môn giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; Chuyên viên Công nghệ thông tin các Sở, ban, ngành	Quý III, IV	41,330,000
15	Tập huấn dịch vụ công quốc gia và dịch vụ công trực tuyến tỉnh trong cải cách hành chính và triển khai dịch vụ công trực tiếp mức độ 3, 4	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Báo cáo viên tại tỉnh)	2	25	1	Công chức là Đoàn viên đoàn thanh niên các Sở, ban, ngành, Đoàn thanh niên Tỉnh đoàn, Đoàn khối các cơ quan, Đoàn thanh niên các huyện đoàn, thành đoàn, thị đoàn	Quý III	16,445,000
			4	31	1	Bí thư Đoàn thanh niên các xã, phường, thị trấn	Quý II	34,012,000
			2	25	1	Công chức, viên chức là đoàn viên công đoàn CĐCS các Sở, ban, ngành, Công đoàn LĐLĐ tỉnh, CĐVC tỉnh, Công đoàn các LĐLĐ huyện, thị	Quý III	16,445,000
			4	31	1	Cán bộ công đoàn cấp xã	Quý II	34,012,000
16	Tập huấn về thanh toán không dùng tiền mặt bằng quét mã QR code trên Phiếu thu và Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hện trả kết quả để thanh toán trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng thanh toán tập trung Quốc gia hoặc bằng các ứng dụng thanh toán trực tuyến	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Báo cáo viên tại tỉnh)	5	30	1	Tổ Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Công chức, viên chức tại Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã	Quý II	41,250,000
17	Tập huấn triển khai DVCTT mức độ 4 Cung cấp thông tin quy hoạch và Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ; Hướng dẫn sử dụng Hệ thống MCDT tỉnh để liên thông dữ liệu với Hệ thống CSDL chuyên ngành của Bộ Xây dựng	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Báo cáo viên tại tỉnh)	2	25	1	Công chức, viên chức tại bộ phận một cửa cấp huyện; Công chức, lãnh đạo phòng Quy hoạch đô thị/Kinh tế hạ tầng các huyện, thành phố, thị xã; Công chức Bộ phận Một cửa Sở Xây dựng, công chức phòng chuyên môn Sở Xây dựng.	Quý II	15,345,000

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đơn vị thực hiện	Số lớp	Số lượng học viên/1 lớp	Thời gian học/lớp (ngày)	Đối tượng	Thời gian thực hiện	Kinh phí
1	2	3	4	5	6	7	8	9
18	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc (Đối tượng 3)	Ban Dân tộc tỉnh (Báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	60	5	Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương, Công chức ở cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện trực tiếp theo dõi công tác dân tộc; Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, công chức cấp xã ở địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.	Quý III	50,450,000
19	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc (Đối tượng 4)	Ban Dân tộc tỉnh (Báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	60	5	Công chức trực tiếp tham mưu, theo dõi về công tác dân tộc ở cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ, công chức cấp xã ở địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; các đối tượng khác	Quý III	37,850,000
20	Tập huấn Phương pháp xây dựng lợi thế cạnh tranh và thực thi chiến lược	Sở Nội vụ (Báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	174	3	Lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh; Lãnh đạo các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Lãnh đạo các ban Đảng của tỉnh ủy; huyện ủy, thị ủy, thành ủy; Lãnh đạo Huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện	Quý I	63,437,000
21	Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương	Trường Chính Trị Lê Duẩn (Phối hợp với Sở Nội vụ)	1	80	30	Cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện	Quý I, II	86,840,000
22	Tập huấn Kỹ năng soạn thảo, ký ban hành văn bản điện tử; quản lý văn bản điện tử; lập hồ sơ điện tử; Quản lý văn bản mật	Sở Nội vụ (báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	80	4	Công chức được tuyển dụng vào làm việc tại các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố từ năm 2015 đến nay	Quý II	31,680,000
23	Tập huấn Kỹ năng soạn thảo, ký ban hành văn bản điện tử; quản lý văn bản điện tử; lập hồ sơ điện tử; Văn bản mật	Sở Nội vụ (báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	125	5	Công chức làm văn thư, lưu trữ UBND các xã, phường, thị trấn	Quý III	46,475,000
24	Bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tổ chức nhà nước	Sở Nội vụ (báo cáo viên ngoại tỉnh)	2	60	3	Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng và chuyên viên phụ trách công tác tổ chức cán bộ các Sở, ban, ngành; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, chuyên viên phòng Nội vụ các huyện, thị xã, thành phố.	Quý II	46,970,000
25	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng chính quyền, quản lý địa giới hành chính	Sở Nội vụ (báo cáo viên tại tỉnh)	2	134	3	Lãnh đạo Phòng Nội vụ và chuyên viên phụ trách công tác xây dựng chính quyền; Chủ tịch UBND cấp xã; Công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã	Quý III	45,694,000
26	Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp	Sở Nội vụ (báo cáo viên ngoại tỉnh)	9	50	3	Công chức, viên chức làm công tác văn phòng, hành chính thuộc và trực thuộc các Sở ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, các phòng chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND cấp xã	Quý III	275,715,000
27	Tập huấn nghiệp vụ công tác cải cách hành chính	Sở Nội vụ (báo cáo viên trong tỉnh)	1	80	2	Cán bộ, công chức phụ trách công tác cải cách hành chính của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quý II	20,020,000
		Sở Nội vụ (báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	125	2	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã	Quý III	23,974,000
		Sở Nội vụ (báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	125	2	Công chức cấp xã	Quý III	23,974,000

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đơn vị thực hiện	Số lớp	Số lượng học viên/1 lớp	Thời gian học/lớp (ngày)	Đối tượng	Thời gian thực hiện	Kinh phí
1	2	3	4	5	6	7	8	9
28	Tập huấn sử dụng công nghệ thông tin cho công chức viên chức ngành Nội vụ	Sở Nội vụ (báo cáo viên tại tỉnh)	1	150	1	Công chức, viên chức làm công tác tổ chức nhà nước	Quý III	10,950,000
29	Bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ làm tôn giáo cấp tỉnh, cấp huyện	Ban Tôn giáo (báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	100	3	Lãnh đạo, công chức một số sở, ban ngành liên quan, Chuyên viên làm công tác tôn giáo phòng Nội vụ các huyện, thị, thành phố; Đại diện lãnh đạo các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Quý III	42,130,000
30	Bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ làm tôn giáo cấp xã	Ban Tôn giáo (báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	100	3	Lãnh đạo, công chức một số sở, ban ngành liên quan, Chuyên viên làm công tác tôn giáo phòng Nội vụ các huyện, thị, thành phố; Đại diện lãnh đạo các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Quý III	42,130,000
31	Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp tiếng Lào	Sở Ngoại vụ (Báo cáo viên nội, ngoại tỉnh)	1	50	3 tháng	Cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang thuộc các Sở, ban, ngành và địa phương có quan hệ hợp tác với Lào	Quý II	113,020,000
32	Tập huấn nâng cao năng lực cho Kiểm lâm địa bàn	Chi cục Kiểm lâm (Báo cáo viên nội tỉnh)	2	45	2	Công chức Kiểm lâm phụ trách địa bàn, tiểu khu	Quý III	23,595,000
33	Bồi dưỡng cấp ủy cơ sở	Trường Chính Trị Lê Duẩn (Phối hợp với Sở Nội vụ)	1	125	5	Bí thư hoặc Phó Bí thư Đảng ủy xã	Quý I	10,175,000
II	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác khối Đảng, Đoàn thể							1,231,250,000
1	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng dành cho cán bộ xã, phường, thị trấn	Ban Tổ chức Tỉnh ủy (báo cáo viên tại tỉnh)	1	125	4	Công chức phụ trách văn phòng đảng ủy xã, phường, thị trấn ở các huyện, thị xã, thành phố (mỗi đảng ủy xã, phường, thị trấn cử 02 đồng chí, ưu tiên những đồng chí mới tham gia cấp ủy hoặc chưa dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổ chức).	Quý III	26,235,000
2	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng và cập nhật văn bản mới cho cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện	Ban Tổ chức Tỉnh ủy (báo cáo viên tại tỉnh)	1	80	4	Công chức Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Cán bộ trực tiếp phụ trách công tác tổ chức cán bộ ở các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn, các doanh nghiệp nhà nước hạng hai trở lên. Trưởng ban, 01 chuyên viên ban tổ chức các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.	Quý III	23,300,000
3	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ diện Ban thường vụ tỉnh ủy quản lý và dự nguồn năm 2022	Ban Tổ chức Tỉnh ủy (báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	120	17	Cán bộ dự nguồn diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (TUV và quy hoạch TUV)	Quý II	266,740,000
4	Bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (đối tượng 3)	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (báo cáo viên ngoại tỉnh và tại tỉnh)	1	100	4	Lãnh đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh (trừ các đối tượng dự nguồn Tỉnh ủy viên); Cán bộ là ban thường vụ cấp ủy cấp huyện (trừ các đối tượng dự nguồn Tỉnh ủy viên)	Quý II	73,800,000

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đơn vị thực hiện	Số lớp	Số lượng học viên/1 lớp	Thời gian học/lớp (ngày)	Đối tượng	Thời gian thực hiện	Kinh phí
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cán bộ diện Ban Thường vụ huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quản lý (đối tượng 4)	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (báo cáo viên ngoại tỉnh và tại tỉnh)	3	250	4	Trưởng phòng, phó trưởng phòng (và tương đương) các Ban Đảng, đoàn thể cấp tỉnh; Trưởng phòng, phó trưởng phòng (và tương đương) các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện; Cán bộ là ủy viên ban chấp hành đảng ủy các xã, phường, thị trấn.	Quý III	258,150,000
6	Tập huấn công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	150	2	Ban chỉ đạo 35 cấp tỉnh, huyện và tương đương; Tổ thư ký Ban chỉ đạo 35 tỉnh, huyện và tương đương; Quản trị các trang facebook, fanpage	Quý III	37,980,000
7	Tập huấn nghiệp vụ công tác Báo cáo viên, tuyên truyền miệng	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (báo cáo viên ngoại tỉnh và tại tỉnh)	1	100	2	Báo cáo viên Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 – 2025; Báo cáo viên cấp huyện và tương đương; Cán bộ, chuyên viên của Ban tuyên giáo các huyện, thị, thành ủy, tuyên huấn các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Quý II	20,020,000
8	Tập huấn công tác khoa giáo	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (báo cáo viên ngoại tỉnh và tại tỉnh)	1	125	2	Lãnh đạo, công chức phụ trách công tác khoa giáo cấp huyện, cấp xã và các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh	Quý III	14,520,000
9	Bồi dưỡng công tác dân vận cấp tỉnh	Ban Dân vận Tỉnh ủy (báo cáo viên tại tỉnh)	1	60	2	Đại diện lãnh đạo, cán bộ chuyên trách, cán bộ được phân công tham mưu công tác dân vận của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.	Quý III	10,750,000
10	Bồi dưỡng công tác dân vận cấp cơ sở	Ban Dân vận Tỉnh ủy (báo cáo viên tại tỉnh)	2	160	3	Đại diện cấp ủy đảng, chính quyền, Ban Dân vận huyện ủy; Cán bộ Khối dân vận cấp xã 2 huyện Đakrông và Hướng Hóa	Quý III	44,250,000
11	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát	Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy (Báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	120	2	Cán bộ công chức cơ quan UBKT Tỉnh ủy và các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư, cán bộ cơ quan UBKT huyện, thị, thành, Đảng ủy trực thuộc	Quý II	20,460,000
12	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát đối với cán bộ cơ sở	Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy (Báo cáo viên tại tỉnh)	3	150	2	Cán bộ công chức UBKT Đảng ủy cơ sở, cán bộ phụ trách công tác kiểm tra của chi bộ cơ sở trực thuộc các Đảng bộ huyện, thị xã, thành phố (Trừ các đối tượng đã được tập huấn năm 2021)	Quý III	60,280,000
13	Tập huấn nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	Văn phòng Tỉnh ủy (báo cáo viên ngoại tỉnh)	1	150	2	Công chức phụ trách công tác công tác VT-LT của các Ban đảng, tổ chức chính trị xã hội, Các ĐUTT, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy,	Quý II	35,440,000
14	Tập huấn nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	Văn phòng Tỉnh ủy (báo cáo viên tại tỉnh)	1	230	2	Cán bộ làm công tác văn phòng Đảng ủy các xã, phường, thị trấn và cho cấp ủy Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh	Quý II	36,795,000
15	Tập huấn Hệ thống phần mềm quản lý văn bản chỉ đạo, điều hành của Đảng bộ tỉnh. Sản phẩm mật mã, an toàn an ninh mạng	Văn phòng Tỉnh ủy (báo cáo viên tại tỉnh)	9	30	1	Cán bộ, công chức của các Ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy và các Huyện ủy, thị ủy, thành ủy	Quý II, Quý III	83,400,000

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đơn vị thực hiện	Số lớp	Số lượng học viên/1 lớp	Thời gian học/lớp (ngày)	Đối tượng	Thời gian thực hiện	Kinh phí
1	2	3	4	5	6	7	8	9
16	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng	Ban Nội chính Tỉnh ủy (Bảo cáo viên ngoại tỉnh và báo cáo viên nội tỉnh)	1	150	2	Tổ tham mưu công tác Nội chính, cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng các huyện, thị xã, thành phố; cán bộ tham mưu công tác Nội chính, phòng chống tham nhũng các cơ quan, đơn vị trong tỉnh	Quý III	28,250,000
17	Bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ năng Chuyển đổi số cho cán bộ Mặt trận năm 2022	UB MTTQ Việt Nam tỉnh (Bảo cáo viên nội tỉnh, ngoại tỉnh)	1	112	2	Cán bộ mặt trận tổ quốc cấp tỉnh, cấp huyện (ĐH, GL, TXQT), Ủy viên UBMTTQVN; Trưởng ban công tác mặt trận	Quý I	18,820,000
18	Bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số cho cán bộ Mặt trận năm 2022	UB MTTQ Việt Nam tỉnh (Bảo cáo viên nội tỉnh, ngoại tỉnh)	1	132	2	Cán bộ, công chức mặt trận Tổ quốc cấp huyện của 2 huyện Hướng Hóa, Đakrông; Trưởng ban công tác mặt trận	Quý I	20,020,000
19	Tập huấn Nghị quyết của BTV Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp giai đoạn 2021-2025	UB MTTQ Việt Nam tỉnh (Bảo cáo viên nội tỉnh, ngoại tỉnh)	1	84	1	Cán bộ, công chức mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp huyện, Ủy viên UBMTTQVN	Quý II	8,570,000
20	Bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ Mặt trận cơ sở về các Cuộc vận động, các phong trào Thi đua yêu nước và chương trình OCOP năm 2022	UB MTTQ Việt Nam tỉnh (Bảo cáo viên nội tỉnh, ngoại tỉnh)	1	125	2	Chủ tịch mặt trận Tổ quốc cấp xã	Quý II	18,100,000
21	Bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra nhân dân, giám sát đầu tư của cộng đồng và biện pháp hòa giải cơ sở năm 2022.	UB MTTQ Việt Nam tỉnh (Bảo cáo viên nội tỉnh, ngoại tỉnh)	1	155	2	Cán bộ, công chức mặt trận Tổ quốc cấp huyện; Chủ tịch mặt trận cấp xã	Quý III	20,950,000
22	Bồi dưỡng nghiệp vụ phòng chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa cho cán bộ làm công tác Mặt trận năm 2022	UB MTTQ Việt Nam tỉnh (Bảo cáo viên nội tỉnh, ngoại tỉnh)	1	150	2	Cán bộ, công chức mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp huyện; Chủ tịch UBMT cấp xã	Quý IV	21,100,000
23	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác phụ nữ cho cán bộ chủ chốt Hội LHPN cấp cơ sở sau Đại hội đại biểu phụ nữ các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026.	Hội LHPN tỉnh (báo cáo viên tại tỉnh)	1	125	2	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ các xã, phường, thị trấn	Quý II	18,100,000
24	Bồi dưỡng lý luận chính trị cho đối tượng kết nạp Đảng	Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	2	80	5	Cán bộ, công chức, viên chức các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; cấp huyện, cấp xã là đối tượng kết nạp Đảng	Quý II, IV	21,880,000
25	Bồi dưỡng lý luận chính trị cho Đảng viên mới	Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	2	80	7	Cán bộ, công chức, viên chức các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; cấp huyện, cấp xã là Đảng viên mới	Quý II, IV	30,840,000
26	Nghiệp vụ công tác xây dựng đảng cho cấp ủy cơ sở	Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	1	200	2	Bí thư hoặc Phó Bí thư các chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở	Quý III	12,500,000
III	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước							87,544,000
1	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên	Trường Chính Trị Lê Duẩn (Phối hợp với Sở Nội vụ)	1	80	2 tháng	CBCC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	Quý II	87,544,000

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đơn vị thực hiện	Số lớp	Số lượng học viên/1 lớp	Thời gian học/lớp (ngày)	Đối tượng	Thời gian thực hiện	Kinh phí
1	2	3	4	5	6	7	8	9
IV	Kinh phí phục vụ kiểm tra, khảo sát, đánh giá, quản lý nhà nước, tham gia các hội nghị về công tác đào tạo, bồi dưỡng					Sở Nội vụ: 175.000.000 đồng Ban Tổ chức TU: 85.000.000 đồng Sở Tài Chính: 100.000.000 đồng		360.000,000